TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2026/HS-ST
Ngày 06/03/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đàm Thị Minh Hường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Dương Xuân Tựu**

Bà Hoàng Thị Thào

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Nguyễn Triệu Giang** – Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: **Ông Hoàng Văn Hoà, ông Vi Văn L** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2026/HSST, ngày 16/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HS ngày 23/02/2026, đối với các bị cáo:

1. **Triệu Minh T**. (Tên gọi khác: Không). Sinh ngày 22/6/1963, tại xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ĐKHKTT : thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc : Dao ; Tôn giáo : Không ; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể : Không.

Trình độ học vấn: Lớp 7/10.

Con ông: Triệu Văn H (đã chết) và bà Hứa Thị L1 (đã chết).

Vợ: Đàm Thị S, sinh năm 1957.

Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Triệu Minh T bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh T từ ngày 22/8/2025 đến nay. Có mặt tại phiên toà.

2. **Đào Văn T1**. (Tên gọi khác: Không). Sinh ngày 13/8/1986, tại xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc : Kinh ; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể : Không.

Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Con ông: Đào Xuân Q , sinh năm 1958 (đã chết) và bà Đào Thị C, sinh năm 1957.

Vợ: Trịnh Thị Thu H1, sinh năm 1991, đã ly hôn năm 2024.

Con: Có 01 con (sinh năm 2016).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Năm 2015, bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) về hành vi đánh bạc (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 43 ngày 31/7/2015).

+ Năm 2021, bị Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn (cũ) xử phạt 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (Bản án số 36/2021/HSST ngày 08/11/2021). Đã được xóa án tích.

+ Năm 2023, bị Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn (Quyết định số 12/2023/QĐ-TA ngày 08/9/2023).

+ Ngày 26/02/2025, UBND xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định số 52/QĐ-UBND Quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú đối với Đào Văn T1, thời hạn quản lý từ ngày 26/02/2025 đến ngày 26/02/2027.

Bị cáo Đào Văn T1 đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên toà.

* Người bào chữa cho bị cáo Triệu Minh T: Ông Sầm Đức T2 – Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T. Có mặt tại phiên toà.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đàm Thị S, sinh năm 1957.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên toà.

- Ông Lê Văn H2, sinh năm: 1977.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi ĐKHKTT: thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên toà. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị X sinh năm 1982.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi ĐKHKTT: thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên toà. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Người làm chứng:

- Ông Dương văn D, sinh năm 1983

Trú tại: thôn B, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên toà.

- Ông Mã Văn D1, sinh năm 1991

Trú tại; thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 10 phút ngày 22/8/2025, tại sân nhà ông Nguyễn Văn Q1 thuộc thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên, Công an xã P, tỉnh Thái Nguyên đã bắt quả tang Triệu Minh T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Phát hiện và thu giữ trong ví màu nâu của T 04 gói được gói bằng giấy nilon dạng trong suốt màu trắng, bên trong đều chứa chất bột màu trắng, niêm phong trong phong bì ký hiệu T1; số tiền 765.000^{đ} (*Bảy trăm sáu năm nghìn đồng*) niêm phong trong phong bì ký hiệu T2; 01 ví màu nâu và các giấy tờ khác niêm phong trong phong bì ký hiệu T3; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu T4; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Đream II, biển số đăng ký 97B1-967.82, xe đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở và công trình liên quan đối với Triệu Minh T tại thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên và tại thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên, kết quả không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Hồi 20 giờ 10 phút ngày 22/8/2025, Cơ quan điều tra tiến hành mở niêm phong và cân xác định khối lượng chất nghi ma túy thu giữ của Triệu Minh T, kết quả: Số chất bột màu trắng nghi là ma túy trong phong bì ký hiệu T1 thu giữ của Triệu Minh T có khối lượng 1,162g (*Một phẩy một sáu hai gam*). Sau khi cân đã niêm phong vào phong bì mới ký hiệu A1 để gửi đi giám định. Giấy gói, vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu T1 được niêm phong vào phong bì mới ký hiệu A2 để bảo quản theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 212/KL-KTHS ngày 29 tháng 8 năm 2025, của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine (H), có tên khoa học là D2, được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Khối lượng chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 là 1,162g (*Một phẩy một sáu hai gam*).

Kết quả điều tra xác định: Khoảng 10 giờ ngày 22/8/2025, T điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 97B1-967.82 đi từ phòng trọ của T tại thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên đến nhà ông Nguyễn Văn Q1 tại thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên để ăn cơm, uống rượu. Khi đi, T mang theo 04 gói ma túy loại heroine, mục đích để bán cho người khác nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật. Triệu Minh T khai, ngày 17/8/2025 Lê Văn H2, trú tại thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên đưa cho T 03 gói ma túy đi bán và sẽ trả tiền công cho T 40.000^{đ} (*Bốn mươi nghìn đồng*)/ 01 gói, T đã bán 03 gói ma túy này cho Dương Văn D, Mã Văn D1 và Đào Văn T1 mỗi người một gói thu được 1.500.000^{đ} (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Đến ngày 21/8/2025, T trả tiền bán ma túy cho H2 và được H2 trả tiền công là 120.000^{đ} (*Một trăm hai mươi nghìn đồng*), sau đó H2 tiếp tục đưa cho T 04 gói ma túy để đi bán, nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang, thu giữ toàn bộ ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở và công trình liên quan của Lê Văn H2 (đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel của vợ H2 là bà Nguyễn Thị X), ngoài ra không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì khác liên quan đến vụ án, đồng thời lấy lời khai của H2, tiến hành đối chất giữa Lê Văn H2 và Triệu Minh T nhưng H2 phủ nhận toàn bộ lời khai của T và khẳng định không được đưa ma túy cho T đi bán cho người khác và không được trả tiền công cho T.

Ngày 19/8/2025, Dương Văn D sinh năm 1983 trú tại thôn Bản Hon, xã P, tỉnh Thái Nguyên gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy, T nói là có ma túy và đồng ý bán cho D rồi hẹn thời gian, địa điểm là chiều tối cùng ngày tại đỉnh đèo T, thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô của T đi đến đỉnh đèo thì Thấy D đang ngồi trên xe mô tô của D dừng ở lề đường quốc lộ 279, đỉnh đèo T, T đi xe đến gần D, D đưa cho T 500.000^{đ} (*Năm trăm nghìn đồng*), T đưa cho D 01 gói ma túy, sau đó T về phòng trọ.

Khoảng 14 giờ ngày 20/8/2025, T gặp Mã Văn D1 sinh năm 1991, trú tại thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên tại đỉnh đèo T, xã P, tỉnh Thái Nguyên, D1 hỏi mua ma túy thì T đồng ý bán, nhưng do D1 không có tiền nên hẹn chiều tối đến phòng trọ của T mua ma túy. Khoảng 17 giờ cùng ngày, D1 đến phòng trọ của T tại thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên thì gặp T đang ở phòng trọ, T bán cho D1 01 gói ma túy với giá 500.000^{đ} (*Năm trăm nghìn đồng*), vị trí bán tại bàn uống nước trong phòng trọ của T.

Khoảng 19 giờ ngày 21/8/2025, T tự điều khiển xe mô tô đi đến nhà Đào Văn T1 sinh năm 1986, trú tại thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên chơi, khi đang ngồi ở giường ngủ của T1 thì T1 hỏi mua ma túy, nên T bán cho T1 01 gói ma túy với giá 500.000^{đ} (*Năm trăm nghìn đồng*), sau khi bán ma túy cho T1 thì T đi về phòng trọ của T.

Dương Văn D, Mã Văn D1, Đào Văn T1 đều khai nhận đã được mua ma túy với T, loại ma túy heroine, sau khi mua ma túy với T, đều đã tự sử dụng hết số ma túy bằng hình thức hít vào trong cơ thể.

Ngày 29/8/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường và thực nghiệm điều tra, cho Triệu Minh T, Dương Văn D, Mã Văn D1 và Đào Văn T1 tự diễn lại toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Kết quả khám nghiệm hiện trường và thực nghiệm điều tra phù hợp với nhau và phù hợp lời khai của T, D, T1, D1 và các tài liệu, chứng cứ khác.

Kết quả xác minh, thu thập tài liệu về nhân thân của Đào Văn T1, xác định T1 là người nghiện chất ma túy và đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật phòng, chống ma túy, cụ thể: Ngày 08/9/2023, Đào Văn T1 bị Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn. Ngày 24/02/2025, T1 chấp hành xong Quyết định đưa cào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trở về địa phương sinh sống; Ngày 26/02/2025, Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định số 52/QĐ-UBND Quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi

cư trú đối với Đào Văn T1, thời hạn quản lý từ ngày 26/02/2025 đến ngày 26/02/2027. Sau khi bị can chuyển đến sinh sống tại thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên, ngày 21/8/2025 tuy đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy, nhưng T1 vẫn mua ma túy với Triệu Minh T về sử dụng.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Đào Văn T1 cho kết quả dương tính, sau khi xét nghiệm đã tiến hành thu giữ mẫu nước tiểu và thu mẫu máu của Đào Văn T1 (Mẫu nước tiểu được đựng trong ống nghiệm và niêm phong trong phong bì ký hiệu N1, mẫu máu đựng trong ống nghiệm và niêm phong trong phong bi ký hiệu N2), để phục vu công tác giám định.

Tại kết luận giám định hóa pháp số 2112/PY-XNĐH ngày 10/9/2025 của V – Cục Q2, kết luận: Tìm thấy M và chất chuyển hóa Heroin là 6MAM trong mẫu máu, nước tiểu của Đào Văn T1. Không tìm thấy các chất ma túy khác nêu trên.

Ngày 29/8/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định: Hiện trường Đào Văn T1 sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực gần bếp củi trong nhà ở của T1 tại thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả khám nghiệm hiện trường phù hợp với lời khai của Đào Văn T1 và các tài liệu, chứng cứ khác.

Do đó, hành vi của Đào Văn T1 đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Triệu Minh T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân và tự khai ra hành vi bán trái phép chất ma túy cho Mã Văn D1 và Đào Văn T1. Bị cáo Đào Văn T1 cũng thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được.

Tại Bản cáo trạng số 19/CT-VKSKV9 ngày 12/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 -Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Triệu Minh T về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Đào Văn T1 về tội *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Triệu Minh T phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*; bị cáo Đào Văn T1 phạm tội *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 ; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Minh T từ 08 đến 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, tạm giữ ngày 22/8/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Triệu Minh T tuổi cao, lại là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản tích luỹ. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Triệu Minh T.

* Vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS 2015; Điều 106/BLTTHS 2015 xử lý vật chứng theo quy định.

* Bị cáo T là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí do đó đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Minh T. Buộc bị cáo Đào Văn T1 phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Minh T trình bày ý kiến: Về nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên toà. Đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Triệu Minh T về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251/BLHS. Tại phiên toà bị cáo đã rất thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do đó mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất là 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình. Bị cáo T là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí do đó đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Minh T.

Bị cáo Triệu Minh T và bị cáo Đào Văn T1 nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều ân hận về hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để cải tạo trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát sửa chữa, bổ sung nội dung cáo trạng về phần lý lịch của bị cáo Đào Văn T1, cụ thể trong cáo trạng lại ghi bị cáo Đào Văn T1 có mẹ đẻ là Đào Thị T3 nay sửa lại là Đào Thị C. Bị cáo Đào Văn T1 nhất trí với việc sửa chữa, bổ sung bản cáo trạng. Xét thấy yêu cầu sửa chữa,bổ sung của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã quy kết. Lời khai nhận phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Triệu Minh T đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,162g (*Một phẩy một sáu hai gam*) chất ma túy, loại heroine, mục đích để bán cho người khác, nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện, bắt quả tang thu giữ cùng tang vật. Từ ngày 19/8/2025 đến ngày 21/8/2025, tại thôn H, xã P, tỉnh Thái Nguyên và tại thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Triệu Minh T đã 03 lần bán ma túy loại heroine cho người khác, gồm: Bán cho Dương Văn D 01 gói ma túy thu được 500.000^{đ} (*Năm trăm nghìn đồng*), bán cho Mã Văn D1 01 gói ma túy thu được 500.000^{đ} (*Năm trăm nghìn đồng*), bán cho Đào Văn T1 01 gói ma túy thu được 500.000^{đ} (*Năm trăm nghìn đồng*).

Bị cáo Đào Văn T1 là người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy, nhưng ngày 21/8/2025 đã có hành vi mua 01 gói ma túy loại Heroine với Triệu Minh T sau đó tự sử dụng hết.

Hành vi đã nêu của bị cáo Triệu Minh T đủ yếu tố cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và hành vi của bị cáo Đào Văn T1 đủ yếu tố cấu thành tội *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự. Do đó việc truy tố, xét xử các bị cáo theo tội danh và điều khoản như Cáo trạng số 19/CT-VKSKV9 ngày 12/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 -Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Triệu Minh T về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Đào Văn T1 về tội *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"* theo quy định tại điểm b khoản

1 Điều 256a Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 251/Bộ luật hình sự có nội dung:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên

...

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Điều 256a/Bộ luật hình sự luật có nội dung:

"1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm:

...

b) Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật phòng, chống ma túy;

..."

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với kết luận điều tra, bản cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hành vi phạm tội của bị cáo Triệu Minh T thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Đào Văn T1 thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Hành vi mua bán và sử dụng trái phép chất ma tuý của các bị cáo là coi thường pháp luật, xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn khác, làm cản trở việc thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc loại trừ tệ nạn ma tuý ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy, cần thiết phải có một hình phạt nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

[5.1] Tại phiên toà người nhà của bị cáo Triệu Minh T cung cấp cho Hội đồng xét xử Huân chương kháng chiến hạng Nhì của bà Hứa Thị L1 là mẹ đẻ bị cáo Triệu Minh T. Bị cáo Triệu Minh T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Người phạm tội tự thú"* và "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*", quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Bị cáo Đào Văn T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*", quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Triệu Minh T là lao động tự do, có thu nhập, gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, bị cáo không nghiện ma tuý nhưng thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma tuý vì mục đích lợi nhuận, hơn nữa tình hình tội phạm ma tuý tại địa phương hiện nay đang diễn biến hết sức phức tạp nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo mới đảm bảo sự răn đe và phòng ngừa đối với các tội phạm về ma tuý nói chung.

Áp dụng khoản 5 Điều 249/BLHS. Phạt tiền bị cáo Triệu Minh T 5.000.000^{đ} (*Năm triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS 2015; Điều 106/BLTTHS 2015.

[7.1] Tịch thu, tiêu huỷ những vật chứng không có giá trị sử dụng gồm:

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu T16, bên trong chứa phong bì, bao gói cũ ký hiệu A1 và chất ma túy hoàn trả sau giám định.

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2 chứa vỏ phong bì ký hiệu T1, nilon, giấy gói cũ sau khi mở niêm phong, cân xác định khối lượng ma túy thu giữ của Triệu Minh T.

[7.2] Tịch thu, hoá giá, sung công quỹ Nhà nước những vật chứng sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, gồm:

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, có vỏ, viền xung quanh và mặt sau màu tím, có dòng chữ SAMSUNG, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo triệu Minh T.

- Quá trình điều tra bị cáo Triệu Minh T và bà Đàm Thị S là vợ hợp pháp của bị cáo T cùng xác định: Bà S và bị cáo T không chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay, mặc dù chưa làm thủ tục ly hôn, không còn liên quan gì đến đời

sống của nhau, không có tài sản chung, do đó chiếc xe mô tô là tài sản riêng của bị cáo Triệu Minh T, không phải là tài sản chung của hai vợ chồng, không liên quan đến bà S, do đó bà S đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, hoá giá, sung công quỹ Nhà nước chiếc xe trên. Xét thấy yêu cầu của bà S là có căn cứ, chiếc xe mô tô trên là phương tiện phạm tội của bị cáo Triệu Minh T do đó tịch thu, hoá giá, sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô màu sơn nâu, đã qua sử dụng, nhãn hiệu FLOWER, một bên xe có chữ LIFAN, một bên xe có chữ HONDA, trên thân xe có chữ DREAM, số khung 13XDH301YAA20018319, số máy IP50FMG310225165, dung tích xi lanh 97, có gắn biển số đăng ký 97B1-967.82. Kèm theo xe mô tô là 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 070173 cấp cho xe mô tô biển số đăng ký 97B1-967.82; 01 chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô xe máy cấp cho xe mô tô biển số đăng ký 97B1-967.82.

[7.3] Tại phiên toà xác định bị cáo Triệu Minh T bán cho Dương Văn D 01 gói ma túy thu được 500.000^{đ} (*Năm trăm nghìn đồng*), bán cho Mã Văn D1 01 gói ma túy thu được 500.000^{đ} (*Năm trăm nghìn đồng*), bán cho Đào Văn T1 01 gói ma túy thu được 500.000^{đ} (*Năm trăm nghìn đồng*). Do đó buộc bị cáo phải nộp lại toàn bộ số tiền do phạm tội mà có 1.500.000^{đ} (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Quá trình điều tra thu giữ của bị cáo Triệu Minh T số tiền 765.000^{đ} (*Bảy trăm sáu năm nghìn đồng*) được niêm phong trong 01 phong bì ký hiệu TMT, tại phiên toà bị cáo xác định toàn bộ đó có tiền do phạm tội mà có nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước, buộc bị cáo phải nộp số tiền còn lại là 735.000^{đ} (*Bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

[7.4] Trả lại cho bị cáo Triệu Minh T 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Triệu Minh T; 01 thẻ bảo hiểm y tế số DT2060620379944 mang tên Triệu Minh T.

[7.5] Trong quá trình Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 điện thoại di động loại bàn phím bấm, có chữ Masstel, không có sim của bà Nguyễn Thị X sinh năm 1982, trú tại thôn C, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả điều tra xác định chiếc điện thoại không liên quan đến vụ án này. Bà X yêu cầu lấy lại tài sản. Ngày 19/12/2025, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho chủ sở hữu hợp pháp bà Nguyễn Thị X.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] Đối với số ma tuý thu giữ của bị cáo Triệu Minh T, T khai do Lê Văn H2 đưa cho T bán hộ Lê Văn H2 để kiếm lời, nhưng qua lời khai và đối chất

giữa T và H2 không làm rõ được nguồn gốc số ma tuý thu giữ của T. Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[8.2] Đối với Lê Văn H2: Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với H2 cho kết quả dương tính, H2 khai nhận ngày 20/8/2025 H2 mua ma túy với một người đàn ông không quen biết tại khu vực gần Trung tâm Y tế B (Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên), sau đó đã tự sử dụng hết, không thu giữ được ma túy của H2. Kết quả điều tra xác định H2 không thuộc diện đối tượng theo quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, quá trình điều tra Lê Văn H2 đều khai không được đưa ma túy cho Triệu Minh T đem đi bán. Ngoài lời khai của T thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định H2 là người cung cấp ma túy cho T đi bán. Do đó, không xem xét xử lý đối với H2.

[8.3] Đối với Dương Văn D và Mã Văn D1: Là những người đã mua ma túy với T về để sử dụng, sau khi mua ma túy với T đã tự sử dụng hết, kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với D1 và D đều cho kết quả dương tính, tuy nhiên D1 và D không thuộc diện đối tượng theo quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự. Do đó, không xem xét xử lý đối với D và D1.

[8.4] Đối với bà Đàm Thị S: Quá trình điều tra xác định bà S và Triệu Minh T đã ly thân, không chung sống với nhau từ lâu. Bà S không biết ngày 22/8/2025,Triệu Minh T sử dụng 01 xe mô tô nhãn hiệu FLOWER, một bên xe có chữ LIFAN, một bên xe có chữ HONDA, trên thân xe có chữ DREAM, biển số đăng ký 97B1-967.82 để đi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Chiếc xe mô tô này là tài sản riêng của T, T tự mua chiếc xe trên bằng tiền riêng của T và tự quản lý, sử dụng chiếc xe trên, bà S không có liên quan đến chiếc xe mô tô trên. Xét thấy bà S không liên quan nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[8.5] Tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Triệu Minh T từ 08 năm đến 09 năm tù. Người bào chữa cho bị cáo Triệu Minh T đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo T được hưởng mức hình phạt từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Qua xem xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Triệu Minh T, HĐXX nhận thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Triệu Minh T là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với tình hình diễn biến tội phạm về ma tuý tại địa phương.

[9] Về án phí: Bị cáo T là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí do đó Hội đồng xét xử miễn án phí hình

sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Minh T. Buộc bị cáo Đào Văn T1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

[1.1] Bị cáo Triệu Minh T phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Minh T 08 (*T4*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam, tạm giữ ngày 22/8/2025 . Phạt tiền bị cáo Triệu Minh T 5.000.000^{đ} (*Năm triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 329/Bộ luật tố tụng hình sự. Quyết định tạm giam bị cáo Triệu Minh T 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

[1.2] Bị cáo Đào Văn T1 phạm tội *"Sử dụng trái phép chất ma tuý"*.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn T1 02 (*Hai*) năm 06 (*S1*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng Điều 109, Điều 123/Bộ luật tố tụng hình sự. Quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đào văn T1 kể từ ngày tuyên án cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47/ Bộ luật hình sự; Điều 106/ Bộ luật tố tụng hình sự.

[2.1] Tịch thu, tiêu huỷ những vật chứng không có giá trị sử dụng gồm:

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu T16, bên trong chứa phong bì, bao gói cũ ký hiệu A1 và chất ma túy hoàn trả sau giám định.

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2 chứa vỏ phong bì ký hiệu T1, nilon, giấy gói cũ sau khi mở niêm phong, cân xác định khối lượng ma túy thu giữ của Triệu Minh T.

[2.2] Tịch thu, hoá giá, sung công quỹ Nhà nước những vật chứng sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, gồm:

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, có vỏ, viền xung quanh và mặt sau màu tím, có dòng chữ SAMSUNG, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Triệu Minh T.

- 01 xe mô tô màu sơn nâu, đã qua sử dụng, nhãn hiệu FLOWER, một bên xe có chữ LIFAN, một bên xe có chữ HONDA, trên thân xe có chữ DREAM, số khung 13XDH301YAA20018319, số máy IP50FMG310225165, dung tích xi lanh 97, có gắn biển số đăng ký 97B1-967.82. Kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 070173 cấp cho xe mô tô biển số đăng ký 97B1-967.82; 01 chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô xe máy cấp cho xe mô tô biển số đăng ký 97B1-967.82, thu giữ của Triệu Minh T.

[2.3] Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000[đ] (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) do bị cáo phạm tội mà có. Trong đó: Số tiền thu giữ của bị cáo Triệu Minh T là 765.000[đ] (*Bảy trăm sáu năm nghìn đồng*) được niêm phong trong 01 phong bì ký hiệu TMT, buộc bị cáo phải nộp số tiền còn lại là 735.000[đ] (*Bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

[2.4] Trả lại cho bị cáo Triệu Minh T 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Triệu Minh T; 01 thẻ bảo hiểm y tế số DT2060620379944 mang tên Triệu Minh T.

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thái Nguyên).

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 12 ; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Minh T. Buộc bị cáo Đào Văn T1 phải chịu 200.000[đ] (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Dương Xuân Tựu – Hoàng Thị Thào	**Đàm Thị Minh Hường**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND KV 9;
- Văn phòng CQCSĐT- Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- THAHS;
- Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh;
- Cơ quan THADS tỉnh;
- Phòng THADS KV9;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- CA xã Phúc Lộc;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

Đàm Thị Minh Hường